

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh
giai đoạn 2017-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2014. Luật phí và lệ phí năm 2015; Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017; Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 366 /TTr-UBND ngày 25/11/2016; Báo cáo thẩm tra số 133/BC-KTNS ngày 7/12/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

**Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh
giai đoạn 2017-2020**

A. PHÂN CẤP NGUỒN THU

I. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu (Không kể thuế GTGT hàng hoá nhập khẩu; thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng).

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước (*Không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu*).

4. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp (*sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị*) cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế.

5. Thuế bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp do Cục thuế quản lý thu (*Không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu*).

6. Thuế tài nguyên nước Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Sơn La và các Thủy điện có công suất từ 100 MW trở lên do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

7. Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu (*trừ thuế tài nguyên từ hoạt động khai thác khoáng sản*).

8. Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý thu.

9. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do doanh nghiệp nộp.

10. Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý.

11. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

12. Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (*trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*).

13. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

15. Thu huy động vốn (*Theo tiết b khoản 6 điều 7, Luật Ngân sách nhà nước 2015*).

16. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.
17. Thu phạt vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.
18. Thu kết dư ngân sách tỉnh.
19. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.
20. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.
21. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau.
22. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
23. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
24. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế.
25. Các khoản Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.
26. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.
27. Thu tiền sử dụng đất (*bao gồm cả thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ*) của các tổ chức kinh tế; thu tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc từ các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác do các doanh nghiệp, tổ chức trực tiếp nộp ngân sách và thuộc thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp tỉnh .
28. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các đơn vị do Cục Thuế Quản lý.
29. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

II. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Thuế giá trị gia tăng (*bao gồm cả thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT; Thuế giá trị gia tăng các nhà máy thủy điện có công suất dưới 100 MW*); thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp, các cá nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã do Chi cục thuế quản lý thu.

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt do Chi cục thuế quản lý thu.

3. Lệ phí trước bạ.

4. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế huyện, thành phố quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; các khoản thu nhập cá nhân khác do Chi cục thuế quản lý thu thuế.

5. Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản và các khoản thu thuế tài nguyên khác do Chi cục thuế quản lý thu (*trừ thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit của đơn vị do Cục Thuế quản lý thu*).

6. Thuế tài nguyên nước các nhà máy thủy điện trên địa bàn (có công suất dưới 100MW); trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn huyện, thành phố thực hiện phân chia cho các huyện áp dụng theo quy định như với trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Thu tiền sử dụng đất do hộ gia đình, cá nhân nộp và thuộc thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*gồm cả thu từ đất có nguồn gốc từ các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác*).

8. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

9. Tiền cho thuê đất, mặt nước của các tổ chức, doanh nghiệp phát sinh trên địa bàn.

10. Các khoản phí, lệ phí nộp ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật; lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện.

11. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

12. Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

13. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

14. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

15. Thu phạt vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.

16. Thu kết dư ngân sách huyện, thành phố.

17. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh.
18. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau.
19. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.
20. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.
21. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Chi cục thuế quản lý thu.
22. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

III. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân và hộ kinh doanh (*Trừ hộ, cá nhân kinh doanh Chi cục thuế quản lý thu*).
2. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.
3. Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên từ các hộ kinh doanh, hộ gia đình và cá nhân khác.
4. Thuế phát sinh từ hoạt động kinh doanh vận tải tư nhân.
5. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn nộp theo quy định.
6. Thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương của cán bộ, công chức xã; thuế thu nhập cá nhân do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước.
7. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do cá nhân, hộ gia đình nộp.
8. Lệ phí trước bạ nhà, đất.
9. Các khoản phí, lệ phí nộp ngân sách xã theo quy định của pháp luật.
10. Thu sử dụng quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác.
11. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã.
12. Thu phạt vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.
13. Thu kết dư ngân sách xã.
14. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách huyện.
15. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau.

16. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

17. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

18. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

B. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

I. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật.

1.3. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

1.4. Chi bổ sung quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật.

1.5. Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết.

1.6. Chương trình mục tiêu do Chính phủ giao cho tỉnh quản lý.

1.7. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

1.8. Chi hỗ trợ từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*theo Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính*)

1.9. Các khoản chi đầu tư khác.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề; y tế, dân số và gia đình; văn hoá - thông tin; phát thanh truyền hình; thể dục thể thao; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế do tỉnh quản lý.

a) Giáo dục phổ thông trung học, phổ thông dân tộc nội trú (*bậc tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông*) và các hoạt động giáo dục khác.

b) Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

c) Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác.

d) Các trung tâm xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

đ) Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác.

e) Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

g) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

h) Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin.

i) Các hoạt động sự nghiệp du lịch

k) Các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý

a) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh lộ, đường liên tỉnh.

b) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, kênh mương; các trạm trại nông, lâm nghiệp; Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

c) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

d) Đo đạc, lập bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ địa chính và các sự nghiệp địa chính khác.

đ) Điều tra cơ bản.

e) Các hoạt động sự nghiệp về môi trường.

g) Các hoạt động sự nghiệp công thương.

h) Kinh phí công tác quy hoạch.

i) Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.3. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quản lý.

2.5. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tinh quản lý.

2.6. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do tinh quản lý.

2.7. Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

2.8. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính, vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, vi phạm an toàn giao thông và các khoản thu phạt, tịch thu khác.

2.9. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.10. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.11. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.12. Chi từ nguồn vay Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

2.13. Các khoản chi khác theo phân cấp.

3. Các khoản chi khác

3.1. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

3.2. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

3.3. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố.

3.4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 điều 9 Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do huyện, thành phố quản lý.

1.2. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (*Chi cho công tác lập kế hoạch, quy hoạch và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chi đầu tư hạ tầng các điểm quy hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất; chi làm đường giao thông nông thôn....*) và nguồn thu khác theo Nghị quyết của Quốc hội và HĐND tỉnh.

1.3. Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng.

1.4. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

1.5. Thành phố Sơn La được phân cấp nhiệm vụ: Chi đầu tư xây dựng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.

1.6. Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định.

1.7. Chi từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do ngân sách tỉnh hỗ trợ (theo Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính)

1.8. Các khoản chi khác theo phân cấp.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề; y tế, dân số và gia đình; văn hoá - thông tin; phát thanh truyền hình; thể dục thể thao; bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế do huyện, thành phố quản lý.

a) Giáo dục phổ thông (*bậc tiểu học, trung học cơ sở*), bồi túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục khác.

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở.

c) Phòng bệnh, chữa bệnh; hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã và các hoạt động y tế khác.

d) Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

đ) Bảo tồn, thư viện và các hoạt động văn hoá khác.

e) Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện, các giải thi đấu cấp huyện, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

g) Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, truyền thông

h) Các hoạt động sự nghiệp du lịch. Riêng huyện Mộc Châu, Vân Hồ được phân cấp thêm nhiệm vụ chi xây dựng điểm du lịch Quốc gia đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt.

i) Các sự nghiệp khác do huyện, thành phố quản lý.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do huyện quản lý.

a) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường giao thông do huyện quản lý, đường nội thị, đường giao thông nông thôn và các công trình giao thông khác theo quyết định phân cấp; phát triển giao thông nông thôn.

b) Sự nghiệp công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, kênh mương; Công tác khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

c) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước và các sự nghiệp thị chính khác.

d) Chi sự nghiệp môi trường và chi thực hiện chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu dân cư; chi quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; quy hoạch phát triển đô thị nông thôn; bảo hộ ổn định đời sống và sản xuất cho tổ chức, bộ phận nhân dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến.

đ) Đo đạc, lập bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ địa chính và các sự nghiệp địa chính khác.

e) Riêng Thành phố Sơn La được phân cấp bổ sung nhiệm vụ chi công tác quản lý đô thị: Giao thông đô thị, vệ sinh đô thị.

2.3. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định

2.4. Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội do huyện, thành phố quản lý.

2.5. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các huyện, thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

2.6. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do huyện, thành phố quản lý.

2.7. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các khoản thu phạt vi phạm hành chính, phạt tịch khác.

2.8. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.9. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

2.10. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.11. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.12. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

2.13. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 điều 9 Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

2.14. Các khoản chi khác.

III. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu, sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý.

1.2. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

1.3. Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao do xã quản lý.

a) Chi chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế bản và các hoạt động y tế khác.

b) Cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

c) Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao.

2.2. Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; chế độ phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn, ở bản, tiểu khu, tổ dân phố; chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, trực thuộc đảng bộ bộ phận.

2.3. Chi công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở cấp xã.

2.4. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý.

2.5. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính, Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các khoản thu phạt, tịch thu khác.

2.6. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.7. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.8. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.9. Chi từ nguồn thu hoạt động khoáng sản: Tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về hoạt động khoáng sản; đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn môi trường nơi khai thác, chế biến khoáng sản và các khoản chi khác

2.10. Các khoản chi khác.

2.11. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo khác.

Điều 2. Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017-2020 (Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2014 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Sơn La thời kỳ 2011-2015; Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB TC - NS của Quốc hội;
- VP QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây Bắc;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện uỷ, thành uỷ; HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Văn phòng tỉnh uỷ; VP UBND Tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh; Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, 450 b.

CHỦ TỊCH**Hoàng Văn Chất**

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Nghị quyết 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2020).

Số T T	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã, phường, thị trấn
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tài nguyên			
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên nước Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Sơn La và các thủy điện có công suất từ 100MW trở lên	100		
	+ Thuế tài nguyên nước các Thủy điện có công suất dưới 100MW		100	
	+ Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản		70	30
	- Lệ phí môn bài	100		
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do Cục thuế quản lý thu			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		

	- Thuế tài nguyên			
	Trong đó: + Thuế tài nguyên nước thủy điện (Nhà máy có công suất từ 100MW trở lên)	100		
	+ Thuế tài nguyên nước các Thủy điện có công suất dưới 100MW		100	
	+ Thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit	100		
	- Lệ phí môn bài	100		
	- Thu hoàn vốn (DN có vốn tham gia của Nhà nước)	100		
3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tinh khác kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố do Chi cục thuế quản lý thu			
	- Thuế giá trị gia tăng (Bao gồm cả các Nhà máy thủy điện có công suất dưới 100 MW)		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp (Bao gồm cả các Nhà máy thủy điện có công suất dưới 100 MW)		100	
	- Thuế tài nguyên		100	
	Trong đó: + Thuế tài nguyên nước thủy điện (Nhà máy có công suất dưới 100MW)		100	
	+ Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản (trừ thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit của đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)		70	30
	- Lệ phí môn bài		100	
4	Thu hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh (Không kể hoạt động kinh doanh vận tải)			
	- Thuế giá trị gia tăng			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn			100
	+ Trên địa bàn Phường		70	30
	- Thuế tài nguyên			
	+ Thuế tài nguyên từ hoạt động khai thác khoáng sản		70	30
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
	- Lệ phí môn bài			

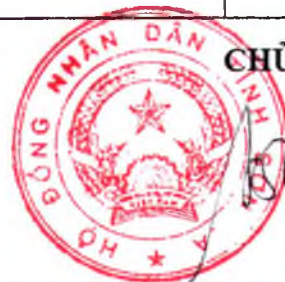
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn			100
	+ Trên địa bàn Phường		50	50
5	Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ tư nhân			100
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	- Các tổ chức kinh tế do Cục thuế quản lý thu	100		
	- Các tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu		100	
7	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		
	- Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện		100	
	- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn			100
	- Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế		100	
	- Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn		30	70
	+ Trên địa bàn phường		50	50
	- Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			
	+ Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		
	+ Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100	
	+ Do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước			100
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			

	+ Do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế	100		
	+ Do Chi cục thuế huyện, thành phố quản lý thu thuế		100	
8	Thu tiền cho thuê đất, <i>thuê mặt nước</i>			
	- Các tổ chức do Chi cục thuế quản lý thu thuế		100	
	Riêng thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khoáng sản	30	70	
9	Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế; Thu tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc từ các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác do các doanh nghiệp, tổ chức trực tiếp nộp ngân sách và thuộc thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp tỉnh	100		
	- Thu tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân khi được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (<i>gồm cả thu từ đất có nguồn gốc từ các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác</i>)		100	
	- Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		
10	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100		
11	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Các tổ chức kinh tế nộp	100		
	- Các hộ gia đình nộp			100
12	Lệ phí trước bạ (Trừ trước bạ nhà, đất)		100	
13	Lệ phí trước bạ nhà đất			
	- Trên địa bàn xã, thị trấn		20	80
	- Trên địa bàn phường		70	30
14	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Trên địa bàn xã, thị trấn		20	80

	- Trên địa bàn phường		50	50
15	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý; Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý nộp ngân sách.			
	- Do Cục thuế tỉnh quản lý thu	100		
	- Do Chi cục thuế các huyện, thành phố thu		100	
16	Thu từ xô số kiến thiết, kê cả hoạt động xô số điện toán	100		
17	Thu thuế bảo vệ môi trường (Do Cục thuế tỉnh quản lý thu)	100		
18	Các khoản phí theo quy định của pháp luật			
	- Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		
	- Do các đơn vị cấp huyện, thành phố thu		100	
	- Do các đơn vị cấp xã, phường, thị trấn thu			100
19	Các khoản lệ phí theo quy định của pháp luật			
	- Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		
	- Do các đơn vị cấp huyện, thành phố thu		100	
	- Do các đơn vị cấp xã, phường, thị trấn thu			100
20	Lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản (Do Cục thuế tỉnh quản lý thu)	100		
21	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (Do Chi cục thuế huyện, thành phố thu)		70	30
22	Thu phạt vi phạm an toàn giao thông			
	- Các đơn vị cấp tỉnh thu (Nộp ngân sách cấp tỉnh)	100		
	- Các đơn vị cấp huyện thu (Nộp ngân sách Huyện, thành phố)		100	
23	Thu phạt vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng			
	- Chi cục kiểm lâm thu	100		
	- Hạt Kiểm lâm huyện, thành phố thu		100	

	- Xã, phường, thị trấn thu			100
24	Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (Theo quy định của Pháp luật)			
	- Nộp ngân sách tỉnh	100		
	- Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
25	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật			
	- Nộp ngân sách tỉnh	100		
	- Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
26	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật			
	- Nộp ngân sách tỉnh	100		
	- Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
27	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			
	- Của huyện, thành phố		100	
	- Của xã, thị trấn			100
	- Của phường			100
28	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100		
29	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp huyện, thành phố		100	
	- Chuyển nguồn ngân sách xã			100
30	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
	- Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách Tỉnh	100		
	- Ngân sách Tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Ngân sách Huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã			100

31	Thu kết dư ngân sách năm trước			
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh (50% chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính; 50% nộp ngân sách tỉnh)	100		
	- Kết dư ngân sách cấp huyện		100	
	- Kết dư ngân sách cấp xã			100
32	Thu phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động khoáng sản		70	30
33	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Giấy phép do UBND tỉnh cấp)	100		
34	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế.	100		
35	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan	100		
36	Các khoản Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu	100		
37	Thu khác (Thu phạt vi phạm hành chính, lâm luật, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xử lý vi phạm trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, ...)			
	- Đơn vị Trung ương nộp	100		
	- Đơn vị Tỉnh nộp	100		
	- Đơn vị huyện, thành phố nộp (bao gồm cả các đơn vị thuộc Trung ương, tỉnh thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn huyện, thành phố)		100	
	- Xã, phường, thị trấn nộp			100



CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Chất

